

(b)

**QUYẾT ĐỊNH số : 25/2000/QĐ-UB**  
ngày 29/3/2000 của UBND tỉnh Gia  
Lai về việc quy định cước vận  
chuyên, phí lưu thông và giá bán  
thuốc chữa bệnh.

### **ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH GIA LAI**

- Căn cứ điều 41, luật tổ chức HĐND  
và UBND năm 1994.

- Căn cứ Nghị định số  
20/1998/NĐ-CP ngày 31/3/1998 của  
Chính phủ về phát triển thương mại miền núi,  
hải đảo và vùng đồng bào dân tộc.

- Căn cứ thông tư liên tịch số  
11/1998/TTLT/BTM/UBDTMN-BTC-  
BKHDĐT ngày 31/7/1998 của liên bộ Thương  
mại - Ủy ban dân tộc miền núi - Tài chính -  
Kế hoạch đầu tư. Hướng dẫn thực hiện Nghị  
định 20/1998/NĐ-CP.

- Căn cứ thông tư số  
06/1998/TT/BVGCP ngày 22/8/1998 của Ban  
vật giá chính phủ. Hướng dẫn nguyên tắc xác  
định đơn giá trợ giá, trợ cước vận chuyên và  
xác định mức giá bán lẻ các mặt hàng chính  
sách được trợ giá, trợ cước.

- Căn cứ thông tư số 02/1999/TT-  
BYT ngày 12/3/1999 của Bộ Y tế hướng dẫn  
việc tổ chức bán thuốc chữa bệnh có trợ cước  
vận chuyên ở địa bàn miền núi, hải đảo, vùng  
đồng bào dân tộc.

- Căn cứ vào Công văn số  
107/UBDTMN - CSMN, ngày 18/02/2000  
của Ủy ban Dân tộc miền núi về việc hướng

dẫn thực hiện chính sách trợ giá, trợ cước năm 2000.

Xét ý kiến đề xuất của Sở Tài chính - Vật giá tại tờ trình số: 115/TT-TCVG ngày 02/03/2000,

## QUYẾT ĐỊNH

**Điều 1:** Nay quy định cước vận chuyển, phí lưu thông, giá bán của mặt hàng thuốc chữa bệnh trên địa bàn Tỉnh như sau:

### 1/ Cước vận chuyển

a/ *Vận chuyển từ TP. Đà Nẵng về tỉnh:* 410.500đ/tấn

Nếu lượng hàng ở Đà Nẵng không đủ chuẩn loại Công ty cổ thể nhận hàng tại TP. Hồ Chí Minh, nhưng mức cước vận chuyển chỉ được thanh toán bằng mức cước vận chuyển từ Đà Nẵng về Pleiku.

b/ *Vận chuyển từ tỉnh về huyện, từ huyện về xã.*

- *Cước vận chuyển từ tỉnh về huyện*

TT	Huyện	SL (tấn)	Đơn giá (đồng/tấn)	Thành tiền (đồng)
1	Ayunpa	30	175.000	5.250.000
2	Kbang	13	210.000	2.730.000
3	KrôngPa	17	230.000	3.910.000
4	MangYang	30	90.000	2.700.000
5	ChưSê	24	110.000	2.640.000
6	Đức Cơ	08	135.000	1.080.000
7	Iagrai	17	95.000	1.615.000
8	ChưPah	15	95.000	1.425.000
9	An Khê	22	170.000	3.740.000
10	Chư Prông	14	115.000	1.610.000
11	Konchro	08	210.000	1.680.000
	<b>Tổng cộng</b>			<b>28.380.000</b>

- *Vận chuyển từ huyện xuống xã:*

10.000đ/tấn/km

Dự kiến lượng hàng đưa xuống xã là 95tấn, cự ly vận chuyển bình quân là 26km với kinh phí khoản: 24.752.000đ.

\* Các mức trợ cước vận chuyển trên áp dụng từ ngày 01/4/2000. Lượng thuốc thực hiện trước ngày 01/4/2000 giao Sở Tài chính - Vật giá kiểm tra, thanh toán theo đúng qui định nhưng không vượt quá mức qui định trên.

\* Tổng kinh phí trợ cước vận chuyển thuốc chữa bệnh năm 2000 là: 180 triệu đồng.

\* Giao Sở Y tế thông báo danh mục thuốc chữa bệnh được hưởng trợ cước vận chuyển. 2/ **Chi phí:** 11% trên giá mua chưa có thuế (Bao gồm: Lương, bốc xếp, lãi, phí bán hàng, phí quản lý, chi phí khác...).

### 3/ Giá bán:

Giá bán lẻ = Giá mua + chi phí.

**Điều 2:**

- Sở Tài chính - Vật giá có trách nhiệm kiểm tra, cấp phát và hướng dẫn công ty dược phẩm về thủ tục thanh quyết toán kinh phí trợ cước vận chuyển.

- Công ty dược phẩm có trách nhiệm đưa thuốc chữa bệnh xuống các địa phương để bán theo đúng chất lượng và giá cả đã quy định (phải niêm yết giá tại nơi bán hàng).

- Sở Y tế và Chi cục quản lý thị trường có trách nhiệm thường xuyên kiểm tra các cửa hàng bán thuốc, đồng thời báo cáo cho UBND Tỉnh theo định kỳ 02 tháng/lần.

**Điều 3:** Các ông Chánh văn phòng UBND tỉnh; Giám đốc các Sở: Tài chính - Vật giá, Kế hoạch đầu tư, Y tế; Chủ tịch UBND các huyện và TP. Pleiku, Chi cục trưởng Chi cục quản lý thị trường, Giám đốc Công ty dược phẩm và các Sở, ngành liên quan chịu trách nhiệm thi hành quyết định này.

Quyết định này có hiệu lực thi hành kể từ ngày ký.

TM/ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH

KT/CHỦ TỊCH

PHÓ CHỦ TỊCH

*Phạm Hồng Nam*